TÒA ÁNNHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HSST
Ngày: 21/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁNNHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn

Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Khắc Hoan, ông Nguyễn Đức Lý và ông Nguyễn Nam Long.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** ông Đoàn Tiến Dũn***g*** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 610/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Chính T sinh ngày: 29 tháng 7 năm 1988, tại Quảng Bình. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: TDP C, phường QP, TX B, Quảng Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Không tôn giáo; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán và môi giới bất động sản. Con ông: Hoàng Ngọc H, sinh năm: 1963 và bà: Hoàng Thị B, sinh năm: 1968; ông bà đều trú tại: phường QP, TX BĐ, tỉnh Quảng Bình. Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con đầu trong gia đình; Vợ: Phạm Thị S, sinh năm 1997, có 01 con sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2022 cho đến nay. Có mặt theo Lệnh trích xuất.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Minh T – Luật sư Văn phòng luật sư L – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã Q, TX BĐ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

2. Nguyễn Văn Thủ, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã Q, TX BĐ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Trần Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn N, xã Q, TX BĐ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

4. Nguyễn Trung H, sinh năm 1990; địa chỉ: KP1, phường B, TX BĐ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

5. Phan Thị Minh D, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 16 HKN, quận L, TP Đ Nẵng. Có mặt

6. Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện QT, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

7. Lê Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã Q, TX BĐ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

8. Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1985; địa chỉ: TDP7, phường Đ S, TP ĐH, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

9. Dương Thu H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Xuân T1, sinh năm 1988; địa chỉ: TDP M, phường Q, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin vắng.

2. Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện QT, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

3. Phạm Thanh H, sinh năm 1980; địa chỉ: TDP1, phường QP, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

4. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1982; địa chỉ: TH, MH, huyện TH, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

5. Trần Quốc K, sinh năm 1989; địa chỉ: 86 TS, phường Nl, TP Đ H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

6. Võ Thị G, sinh năm 1997; địa chỉ: thôn DL, xã QT, huyện Q Tr, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Lê Ngọc H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Đ S, xã S L, huyện BT, tỉnh

Quảng Bình. Vắng mặt

2. Nguyễn Thị Hồng Q, sinh năm 1988; địa chỉ: xóm 2, P H, xã ĐT, huyện B T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

3. Hoàng Văn K, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

4. Trần Minh C, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn NML, xã Q M, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

5. Trần Thế C, sinh năm 1978; địa chỉ: KP3, phường BĐ, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

6. Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: TDP8, phường Q P, thị xã B Đ, tỉnh Quảng Bình. ….. mặt.

7. Nguyễn Trường G, sinh năm 1995; địa chỉ: KP5, phường B Đ, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

8. Phạm Thanh S, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn TL1, xã Q H, huyện QT, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

9. Trần Trọng V, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn P, xã Q P, huyện Q T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

10. Phùng T, sinh năm 1980; địa chỉ: Chòm 2, thôn PN, xã QT, huyện Q T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

11. Võ Văn L, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn NT, xã Q T, huyện QT, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

12. Hồ Quang V, sinh năm 1952; địa chỉ: thôn B L, xã QT, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

13. Nguyễn Thị C, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn HH, xã QH, thị xã B Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

14. Mai Đức C, sinh năm 1988; địa chỉ: TDP C, phường Q P, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

15. Bùi Thị T3, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn K, xã T A, huyện CL, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

16. Nguyễn Văn C, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn K Đ, xã T A, huyện CL, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

17. Phạm Thị Mỹ X, sinh năm 1991; địa chỉ: Chòm 2, thôn PN, xã Q T, huyện Q T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

18. Hoàng Ngọc H, sinh năm 1963; địa chỉ: TDP Cầu, phường Q P, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

19. Hoàng Thị B, sinh năm 1968; địa chỉ: TDP C, phường QP, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

20. Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn V, xã Q, thị xã B Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Người tố giác:*

1. Hoàng C, sinh năm 1969; địa chỉ: TDP T, phường QP, thị xã BĐ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

2. Phạm Thị Thanh L, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn TL 2, xã QH, huyện QT, tỉnh QB. Vắng mặt.

3. Mai Xuân H, sinh năm 1969; địa chỉ: xóm 3, CS, xã QL, thị xã B Đ, tỉnh QB. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2021 đến năm 2022, Hoàng Chính T lợi dụng việc hành nghề môi giới bất động sản, dùng thủ đoạn gian dối đưa thông tin về bất động sản của người khác khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu đăng bán trên các trang mạng xã hội làm cho nhiều người mua tin tưởng đặt tiền cọc để chiếm đoạt chi tiêu cá nhân. Với thủ đoạn gian dối trên, Hoàng Chính T đã chiếm đoạt của 09 bị hại với tổng số tiền 4.918.950.000 đồng, cụ thể:

Vụ thứ 1: Đầu tháng 3/2021, do thiếu tiền tiêu xài, Hoàng Chính T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên dùng thông tin thửa đất B4 thuộc địa phận thôn LH, xã Q V, thị xã BĐ đăng bán trên mạng xã hội giá 330.000.000 đồng. Chị Dương Thu H, trú tại thôn T, xã Q, huyện Q T, tỉnh Quảng Bình liên hệ mua. Do đang giai đoạn sinh con nên nhờ em trai chồng là anh Mai Đức C, trú tại xã Q X, huyện QT, tỉnh Quảng Bình trực tiếp giao dịch với Hoàng Chính T thì được T yêu cầu đặt cọc 30.000.000 đồng. Chị H đồng ý và đặt cọc 30.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi nhận được tiền T chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 23/3/2021, T tiếp tục yêu cầu chị H trả thêm 300.000.000 đồng để nộp thuế vì đây là đất đấu giá để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tin lời T, chị H đồng ý và nhờ anh C giao 300.000.000 đồng tiền mặt cho Hoàng Chính T. Sau khi nhận được tiền thì T chiếm đoạt, sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Khi đến hạn T

không có đất để giao nên nói dối có người khác mua với giá cao hơn rồi chuyển lại cho chị H 30.000.000 đồng. Đến ngày 02/6/2021, T đến nhà chị H viết giấy vay nợ xin trả dần. Sau đó, T nhiều lần chuyển trả thêm số tiền 32.000.000 đồng. Tổng số tiền Hoàng Chính T chiếm đoạt của chị Dương Thu H là **268.000.000 đồng**.

Vụ thứ 2: Đầu năm 2021, do thiếu tiền tiêu xài Hoàng Chính T liên hệ với chị Nguyễn Thị Hương G (sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã Q T, huyện Q Tr, tỉnh Quảng Bình) kêu gọi góp vốn đầu tư bất động sản. T đề nghị chị G chuyển 170.000.000 đồng để đầu tư 02 thửa đất trên địa bàn xã QP, huyện Q Tr, tỉnh Quảng Bình và xã Q L, thị xã B Đ, tỉnh Quảng Bình. Do tin tưởng nên chị G không xem đất, không kiểm chứng thông tin mà chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cho T. Nhận được tiền, T chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân. Sau đó, T có chuyển lại cho chị G số tiền 75.000.000 đồng để tạo lòng tin với chị G. Đến đầu năm 2022, T tiếp tục kêu gọi chị G đầu tư bất động sản để T có tiền trả cho chị G. Nghe lời T, từ 10/4/2022 đến 26/7/2022 chị G đã chuyển cho T số tiền 223.000.000 đồng để đầu tư bất động sản. Nhưng sau khi nhận được tiền của chị G thì T sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Tổng số tiền T chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Hương G là **318.000.000 đồng**.

Vụ thứ 3: Ngày 07/9/2021, lợi dụng mối quan hệ quen biết và tình trạng giãn cách xã hội do dịch bệnh Covid 19 bùng phát nên Hoàng Chính T đã gửi thông tin 02 thửa đất (thửa số 1141 tờ bản đồ số 9, tại thôn V P, xã Q Lộc, thị xã Ba Đồn và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 9, tại địa chỉ thôn V Đ, xã Q H, thị xã B Đ) cho chị Trần Thị H, trú tại thôn NM L, xã Q M, thị xã BĐ bán với giá 608.000.000 đồng/1 thửa. 02 thửa đất trên T lấy thông tin từ nhiều nguồn, tuy nhiên T không biết chủ có bán hay không. Chị Trần Thị H chỉ xem thông tin qua tin nhắn zalo do T gửi và đồng ý mua cả 02 thửa đất với tổng số tiền 1.200.000.000 đồng. Thời gian này, T lấy lý do đang bị Covid phải cách ly nên yêu cầu chị H chuyển tiền qua tài khoản mà không cần viết giấy nhận tiền. T nhiều lần lừa dối để yêu cầu chị H chuyển đủ số tiền 1.200.000.000 đồng. Do đó, từ ngày 07/9/2021 đến 23/9/2021, chị H nhiều lần chuyển cho Hoàng Chính T với tổng số tiền 1.200.000.000 đồng vào số tài khoản: 0011004051872 Ngân hàng Vietcombank, mang tên Hoàng Chính T. Sau mỗi lần nhận tiền, T sử dụng vào mục đích cá nhân hết, khi đến hạn, T dùng nhiều lý do trì hoãn. Tổng số tiền Hoàng Chính T chiếm đoạt của chị Trần Thị H là **1.200.000.000 đồng**.

Vụ thứ 4: Tháng 3/2022, chị Phan Thị Minh D, ở Tổ 16 H Kh N, Quận L C, thành phố Đà Nẵng trao đổi với Hoàng Chính T (bạn học đại học) về việc đầu tư bất động sản tại tỉnh Quảng Bình và nhờ T làm người môi giới giao dịch, T hưởng

phần chênh lệnh và tiền môi giới. Sau đó, T đã lấy các thông tin về bất động sản trên mạng xã hội gửi cho chị D nhằm chiếm đoạt tiền đầu tư. Ngày 24/3/2022, T lấy thông tin các thửa đất gồm: Thửa số 1193 tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Nam Thủy, xã Quảng Thủy, thị xã Ba Đồn; Thửa số 2116 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Nam Thủy, xã Quảng Thủy, thị xã Ba Đồn và Thửa số 737 tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Trung Thủy, xã Quảng Thủy, thị xã Ba Đồn chuyển cho chị D và yêu cầu chuyển tiền đầu tư. Ngày 24 và 25/4/2022, chị D chuyển tổng số tiền 270.000.000 đồng vào số tài khoản Vietcombank của Hoàng Chính T. Sau đó, T sử dụng hình ảnh giao dịch của người khác để lừa D đã bán đất thành công lãi 30.000.000 đồng rồi chuyển lại 100.000.000 đồng cho chị D để tạo lòng tin. Sau đó, T tiếp tục dùng các thông tin bất động sản khác gửi cho chị D để chiếm đoạt tiền đầu tư. Trong thời gian từ 24/4/2022 đến tháng 6/2022, chị D đã nhiều lần chuyển tổng số tiền **1.959.250.000 đồng** vào tài khoản cho T. Số tiền trên, T chiếm đoạt chi tiêu cá nhân.

Vụ thứ 5: Khoảng đầu tháng 4/2022, Hoàng Chính T biết được anh Phạm Xuân T, trú tại TDP M P, phường QT, thị xã BĐ trúng đấu thầu thửa đất số 1390, tờ bản đồ số 4 tại địa chỉ thôn La Hà Nam, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn nên đề nghị chị Nguyễn Thị Hương G, trú tại thôn Tân An, xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch góp 25.000.000 đồng cọc bán "lướt" để kiếm lời. Sau đó, T đặt cọc 50.000.000 đồng cho anh Phạm Xuân T rồi cùng chị G đăng bán thửa đất này trên mạng xã hội. Sau đó, các môi giới gồm chị Phạm Thế H, trú tại: TDP 1, phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn; chị Nguyễn Thị T, trú tại: Thôn Tây Hóa, xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa đặt cọc 10.000.000 đồng và tiếp tục giới thiệu cho môi giới anh Nguyễn Quốc K, tạm trú tại: thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình để bán.

Ngày 12/4/2022, anh Nguyễn Trung H, ở số 181 đường Chu Văn An, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn chốt mua thửa đất trên với giá 685.000.000 đồng. T nhờ chị Nguyễn Thị Hương G cầm 01 giấy nhận đặt cọc ghi sẵn nội dung nhận tiền đặt cọc thửa đất 1390 đến gặp anh H để nhận cọc. Tại nhà anh H, chị G nhận 90.000.000 đồng tiền cọc. Còn 10.000.000 đồng tiền "giữ chỗ" trước đó thì các môi giới H và T mỗi người nhận 5.000.000 đồng. Số tiền 90.000.000 đồng chị G thu về 25.000.000 đồng tiền góp và 5.000.000 đồng tiền nợ. Còn 60.000.000 đồng chị G chuyển lại cho T qua số tài khoản: 0011004051872, ngân hàng Vietcombank. Đến ngày 11/5/2022, T đến nhà anh H thông báo về việc nộp tiền thuế và tiền đấu giá đất. Trong đó, giá bán thửa đất là 685.000.000 đồng, tiền nộp thuế và tiền trúng đấu giá là 536.600.000 đồng, trừ tiền cọc. Anh H còn thiếu 48.400.000 đồng. T yêu cầu anh H nộp tiền đất, còn 48.400.000 đồng anh H chuyển vào tài khoản của T. Hai bên viết 01 giấy nhận đặt cọc. Sau khi nhận được

tiền, T chia cho chị G 10.000.000 đồng tiền lời khi giao dịch thành công thửa đất (Phần lợi nhuận khi góp vốn cọc đất) và chi 5.000.000 đồng tiền hoa hồng cho anh Nguyễn Quốc K (người môi giới).

Đến ngày 16/5/2022, anh H nộp tiền đất 536.600.000 đồng và thông báo cho T để làm thủ tục chuyển nhượng cho anh H. Tuy nhiên, T không làm thủ tục chuyển nhượng mà lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này rồi bán cho anh Nguyễn Trường G, trú tại: KP5, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn vào ngày 21/7/2022 lấy tiền tiêu xài. Đến ngày 26/7/2022, anh G bán cho anh Trần Trọng V, ở thôn Pháp Kệ, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch. Đến ngày 30/8/2022, thửa đất trên đã được bán sang tên cho anh Phùng T, ở xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Tổng số tiền Hoàng Chính T chiếm đoạt của anh Nguyễn Trung H là **685.000.000 đồng**.

Vụ thứ 6: Ngày 04/5/2022, do thiếu tiền tiêu xài, Hoàng Chính T nói với chị Nguyễn Thị Phương L, trú tại tổ dân phố 7, phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình góp 150.000.000 đồng để mua chung thửa đất số 1146, thuộc tờ bản đồ số 9, địa chỉ tại thôn Vĩnh Phước, xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn. Do có quen biết và đã từng giao dịch bất động sản nên chị L tin và đồng ý. Chị L nhờ em gái là chị Nguyễn Thị C, trú tại phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình chuyển 150.000.000 đồng vào số tài khoản của T (số tài khoản: 0011004051872, ngân hàng Vietcombank). Sau khi có tiền, T chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân hết. Sau một thời gian, chị L phát hiện T chiếm đoạt tiền mà không góp vốn mua bất động sản và yêu cầu T trả tiền. Sau đó, T có chuyển lại cho chị L nhiều lần với số tiền 21.300.000 đồng. Còn **128.700.000 đồng**, T chiếm đoạt, tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ 7: Đầu tháng 5/2022, chị Lê Thị T, trú tại thôn Tân Định, xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình biết Hoàng Chính T là người làm môi giới bất động sản nên liên hệ mua bất động sản. T lấy thông tin thửa đất 1328, thuộc tờ bản đồ số 7, địa chỉ tại thôn Biều Lệ, xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn rồi bán cho chị T giá 305.000.000 đồng. Ngày 17/5/2022, T đưa chị T đi xem và giới thiệu đây là đất đang phân lô bán. Chị T đồng ý mua, T yêu cầu đặt cọc 50.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, do thiếu tiền tiêu xài nên T tiếp tục dùng nhiều thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của chị T như yêu cầu chuyển tiền để san ủi đất, hạ giá bán còn 265.000.000 đồng với điều kiện chị T phải chuyển đủ tiền. Tin lời T, chị Lê Thị T đã chuyển tiếp số tiền 210.000.000 đồng cho T, T chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết. Tổng số tiền Hoàng Chính T chiếm đoạt của chị Lê Thị T là **260.000.000 đồng**.

Vụ thứ 8: Ngày 15/6/2022, anh Nguyễn Xuân T, trú tại thôn Tân Định, xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn liên lạc với Hoàng Chính T để mua đất. T liên hệ với chị Nguyễn Thị Hồng Q, trú tại thôn Phương Hạ, xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch là người làm nghề môi giới bất động sản để xin thông tin các thửa đất nên chị Q chuyển thông tin các thửa đất số H7, H8 thuộc xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch cho T. T chuyển cho anh Nguyễn Xuân T xem thông tin 02 thửa đất số H7, H8 và rao giá bán 330.000.000 đồng/thửa. T đưa vợ chồng anh Nguyễn Xuân T đi xem đất thì anh T đồng ý mua thửa H8. Sau đó, anh Nguyễn Xuân T giới thiệu thửa H7 cho anh Nguyễn Văn T ở cùng thôn mua.

Khoảng 14h00 ngày 16/6/2022, anh Nguyễn Xuân T gọi điện thoại cho T đến nhà để đặt cọc, T yêu cầu mỗi thửa đặt cọc 50.000.000 đồng, hai bên đồng ý. T làm giấy nhận đặt cọc thửa đất H8 với anh Nguyễn Xuân T và giấy nhận đặt cọc thửa đất H7 với anh Nguyễn Văn T, rồi nhận của mỗi người 50.000.000 đồng. Sau khi có được tiền cọc, T chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Tổng số tiền Hoàng Chính T chiếm đoạt của anh Nguyễn Xuân T và anh Nguyễn Văn T là **100.000.000 đồng.**

Kết quả giám định tại các Bản kết luận số 1071/KL ngày 05/10/2022 và Bản kết luận số 1227/KL ngày 10/11/2022 của Phòng Kỹ Thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Chữ ký đứng tên Hoàng Chính T ở trên các mẫu giám định so với chữ ký của Hoàng Chính T; Chữ viết trên các mẫu cần giám định (trừ chữ ký đứng tên và chữ viết "Nguyễn Xuân T..", "Nguyễn Văn T..", "Nguyễn Trung H..", "Hoàng Văn B..", "Hoàng C...", "Nguyễn Văn H..", "Mai Đức C..", "Lê Thị T..") so chữ ký, chữ viết của Hoàng Chính T trên các mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ các tài liệu sau:

- 01 giấy nhận đặt cọc giữa Hoàng Chính T và anh Nguyễn Xuân T về việc đặt cọc mua bán thửa đất H8, tờ bản đồ số 12 thuộc xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

- 01 giấy nhận đặt cọc giữa Hoàng Chính T và anh Nguyễn Văn T về việc mua bán thửa H7, tờ bản đồ số 12 thuộc xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

- 01 giấy nhận đặt cọc của Hoàng Chính T và anh Nguyễn Trung H về việc đặt cọc thửa đất số 1390, tờ bản đồ số 3, thuộc thôn La Hà Nam, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

- 03 giấy nhận đặt cọc của Hoàng Chính T và chị Lê Thị T về việc đặt cọc mua bán thửa đất 1328, thuộc tờ bản đồ số 7, địa chỉ tại thôn Biểu Lệ, xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

- 01 giấy nhận đặt cọc của Hoàng Chính T và anh Hoàng C về việc đặt cọc mua bán thửa đất 1027, tờ bản đồ số 4, thuộc địa chỉ thôn Tiên Phong, xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

- 01 giấy nhận đặt cọc của Hoàng Chính T và anh Mai Đức C về việc mua bán thửa đất B4 thuộc địa phận thôn La Hà, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn;

- 01 Giấy vay nợ đứng tên Hoàng Chính T với chị Dương Thu H.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 66.000.000 đồng (ông Hoàng Ngọc H bố bị can giao nộp khắc phục số tiền 50.000.000 đồng; anh Phạm Xuân T giao nộp 10.000.000 đồng là tiền của bị hại Phan Thị Minh D; chị Võ Thị G giao nộp 1.000.000 đồng là tiền của bị hại Trần Thị H; chị Nguyễn Thị T giao nộp 5.000.000 đồng là tiền của bị hại Nguyễn Trung H).

Về dân sự: Gia đình bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giao nộp khắc phục và phục vụ điều tra, thi hành án tổng số tiền 66.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 68/VKS-P3 ngày 22 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Hoàng Chính T ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã phát biểu lời luận tội, chứng minh và phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo Hoàng Chính T đã thực hiện. Vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Chính T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt Hoàng Chính T từ 17 năm đến 18 năm tù. Về vật chứng tiếp tục tạm giữ trong hồ sơ vụ án các giấy tờ vay nợ, đối với tiền tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: buộc bồi thường cho các bị hại số tiền 4.918.950.000đ. Án phí phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân đã đề nghị. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình nộp lại 1 phần tiền để khắc phục hậu quả.

Ý kiến của bị cáo Hoàng Chính T đã thừa nhận toàn bộ hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đúng như Bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện nên đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Bị cáo Hoàng Chính T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp về thời gian, địa điểm, số lượng tài sản và quá trình diễn biến phạm tội. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ đầu năm 2021 đến tháng 7 năm 2022, Hoàng Chính T đã lấy các thông tin về bất động sản của người khác rồi rao bán. Khi người mua liên hệ, T đã gian dối thực hiện bán bất động sản mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu. T yêu cầu người mua chuyển tiền đặt cọc rồi chiếm đoạt của 09 bị hại với tổng số tiền 4.918.950.000đ. Hành vi của Hoàng Chính T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố và kết luận của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người làm trong giới kinh doanh bất động sản nhưng lợi dụng sự cả tin và nhu cầu sử dụng đất của các bị hại để lừa đảo chiếm đoạt tiền của 09 bị hại với số tiền rất lớn: 4.918.950.000đ. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm, tương ứng tại khoản 4 Điều 174 BLHS, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Chính T thực hiện hành vi nhiều lần và đủ tang số nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi lượng hình cũng xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng đã tác động gia đình nộp số tiền 50.000.000đ để khắc phục hậu quả nên cần xem xét áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để cân nhắc hình phạt cho bị cáo.

[5]. Ngoài ra, quá trình điều tra Cơ quan điều tra tiếp nhận 03 đơn tố giác tội phạm của các công dân gồm: Ông Hoàng C (sinh năm 1969, trú tại Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình); bà Phạm Thị T Lương (sinh năm 1991, trú tại: thôn Tú Loan 2, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch) và ông Mai Xuân H (sinh năm 1969, ở Cồn Sẽ, xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn) tố giác Hoàng Chính T chiếm đoạt tài sản trong các giao dịch bất động sản. Cơ quan điều tra đã thu thập tài liệu, chứng cứ có căn cứ xác định Hoàng Chính T nhận các khoản tiền đặt cọc, đã thông báo và chuyển tiền cọc cho chủ đất để thực hiện giao dịch theo hợp đồng. Việc phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi các đương sự khởi kiện ra Tòa, không có dấu hiệu tội phạm.

Ngoài việc bị chiếm đoạt 1.200.000.000 đồng, chị Trần Thị H còn cho T mượn số tiền 2.070.000.000 đồng. Tuy nhiên đây là giao dịch dân sự nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ngoài ra, liên quan đến thửa đất 1390, tờ bản đồ 03 ở thôn La Hà Nam, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình có kiến nghị tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết do đang bị tạm ngừng giao dịch. Xét đây là giao dịch dân sự nên các bên liên quan đến thửa đất có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có tranh chấp.

[6]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra đã thu giữ:

- 01 giấy nhận đặt cọc giữa Hoàng Chính T và anh Nguyễn Xuân T về việc đặt cọc mua bán thửa đất H8, tờ bản đồ số 12 thuộc xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

- 01 giấy nhận đặt cọc giữa Hoàng Chính T và anh Nguyễn Văn T về việc mua bán thửa H7, tờ bản đồ số 12 thuộc xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

- 01 giấy nhận đặt cọc của Hoàng Chính T và anh Nguyễn Trung H về việc đặt cọc thửa đất số 1390, tờ bản đồ số 3, thuộc thôn La Hà Nam, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

- 03 giấy nhận đặt cọc của Hoàng Chính T và chị Lê Thị T về việc đặt cọc mua bán thửa đất 1328, thuộc tờ bản đồ số 7, địa chỉ tại thôn Biểu Lệ, xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

- 01 giấy nhận đặt cọc của Hoàng Chính T và anh Hoàng C về việc đặt cọc mua bán thửa đất 1027, tờ bản đồ số 4, thuộc địa chỉ thôn Tiên Phong, xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

- 01 giấy nhận đặt cọc của Hoàng Chính T và anh Mai Đức C về việc mua bán thửa đất B4 thuộc địa phận thôn La Hà, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn;

- 01 Giấy vay nợ đứng tên Hoàng Chính T với chị Dương Thu H.

Tất cả các vật chứng trên cần tiếp tục tạm giữ trong hồ sơ vụ án.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 66.000.000 đồng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho những bị hại số tiền mà bị cáo chiếm đoạt. Cụ thể, bồi thường cho:

- Chị Dương Thị Thu H: 268.000.000 đồng

- Chị Nguyễn Thị Hương G: 318.000.000 đồng

Chị Trần Thị H: 1.200.000.000 đồng - 1.000.000 đồng do chị Võ Thị G giao nộp = 1.199.000.000 đồng

- Chị Phan Thị Minh D: 1.959.250.000 đồng – 10.000.000 đồng do ông Phạm Xuân T giao nộp = 1.949.250.000 đồng

- Anh Nguyễn Trung H: 685.000.000 đồng – 5.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị T giao nộp = 680.000.000 đồng

- Chị Nguyễn Thị Phương L: 128.700.000 đồng
- Chị Lê Thị T: 260.000.000 đồng
- Anh Nguyễn Xuân T: 50.000.000 đồng
- Anh Nguyễn Văn T: 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền buộc bị cáo bồi thường là: 4.902.950.000 đồng. Nhưng được trừ đi số tiền do ông Hoàng Ngọc H bố bị cáo giao nộp khắc phục là 50.000.000 đồng đang tạm giữ đảm bảo thi hành án. Số tiền còn phải bồi thường là **4.852.950.000 đồng**

[8] Án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Chính T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Chính T 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 01/8/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 BLDS buộc bị cáo Hoàng Chính T có trách nhiệm bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại, cụ thể:

- Chị Dương Thị Thu H: 268.000.000 đồng

- Chị Nguyễn Thị Hương G: 318.000.000 đồng

- Chị Trần Thị H: 1.200.000.000 đồng - 1.000.000 đồng do chị Võ Thị G giao nộp = 1.199.000.000 đồng

- Chị Phan Thị Minh D: 1.959.250.000 đồng – 10.000.000 đồng do ông Phạm Xuân T giao nộp = 1.949.250.000 đồng

- Anh Nguyễn Trung H: 685.000.000 đồng – 5.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị T giao nộp = 680.000.000 đồng

- Chị Nguyễn Thị Phương L: 128.700.000 đồng
- Chị Lê Thị T: 260.000.000 đồng
- Anh Nguyễn Xuân T: 50.000.000 đồng
- Anh Nguyễn Văn T: 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền buộc bị cáo bồi thường là: 4.902.950.000 đồng. Nhưng được trừ đi số tiền do ông Hoàng Ngọc H bố bị cáo giao nộp khắc phục là 50.000.000 đồng

đang tạm giữ đảm bảo thi hành án. Số tiền còn phải bồi thường là **4.852.950.000 đồng**

Sau khi án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS tương ứng với thời gian chậm thi hành.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

4.1. Tiếp tục tạm giữ trong hồ sơ vụ án các vật chứng:

- 01 giấy nhận đặt cọc giữa Hoàng Chính T và anh Nguyễn Xuân T về việc đặt cọc mua bán thửa đất H8, tờ bản đồ số 12 thuộc xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

- 01 giấy nhận đặt cọc giữa Hoàng Chính T và anh Nguyễn Văn T về việc mua bán thửa H7, tờ bản đồ số 12 thuộc xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

- 01 giấy nhận đặt cọc của Hoàng Chính T và anh Nguyễn Trung H về việc đặt cọc thửa đất số 1390, tờ bản đồ số 3, thuộc thôn La Hà Nam, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

- 03 giấy nhận đặt cọc của Hoàng Chính T và chị Lê Thị T về việc đặt cọc mua bán thửa đất 1328, thuộc tờ bản đồ số 7, địa chỉ tại thôn Biểu Lệ, xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

- 01 giấy nhận đặt cọc của Hoàng Chính T và anh Hoàng C về việc đặt cọc mua bán thửa đất 1027, tờ bản đồ số 4, thuộc địa chỉ thôn Tiên Phong, xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

- 01 giấy nhận đặt cọc của Hoàng Chính T và anh Mai Đức C về việc mua bán thửa đất B4 thuộc địa phận thôn La Hà, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn;

- 01 Giấy vay nợ đứng tên Hoàng Chính T với chị Dương Thu H.

4.2. Tiếp tục tạm giữ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 66.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

(Vật chứng trên hiện có tại tài khoản 3949.0.1054377.00000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình theo ủy nhiệm chi ngày 28/8/2023 của Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp – Công an tỉnh Quảng Bình).

5. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Hoàng Chính T phải chịu nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 112.852.950 đồng tiền án phí dân sự sơ

thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan những ai có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/9/2023), những ai vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
- Theo khoản 1 Điều 262 BLTTHS;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Vụ GĐKT 1TANDTC (khi án sơ thẩm có HL);
- Phòng HSNVCS CAQB (PC06);
- Lưu hồ sơ; án văn, VP TAQB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhàn